

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 396 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và khoản 1 Điều 131 Luật
Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng
án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 2866/2023/TLST-VHNGĐ ngày
13 tháng 12 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những
người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1989

Nơi thường trú: 113/12/63, khu phố 6, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa,
tỉnh Đồng Nai.

+ Ông Trần Trọng Ng, sinh năm 1989

Nơi thường trú: Ấp Long Bình, xã Long Chữ, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Trần Trọng Ng tự nguyện chung sống với nhau
có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Định, huyện Định Quán, tỉnh
Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2015. Quá trình chung sống vợ chồng
xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không cùng quan điểm, suy nghĩ, vợ chồng
thường xuyên cãi nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà N và ông Ng
cùng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Bà N và ông Ng thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Trần Trọng Ng thuận
tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Trần Trọng Ng có 02 con
chung là cháu Trần Nguyễn Phương A, sinh ngày 23/8/2015 và Trần Nguyễn Kỳ D,
sinh ngày 17/01/2017. Ly hôn, vợ chồng thỏa thuận giao cháu Trần Nguyễn Phương
A, sinh ngày 23/8/2015 và Trần Nguyễn Kỳ Dn, sinh ngày 17/01/2017 cho ông Trần
Trọng Ng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, hàng tháng bà N cấp dưỡng
nuôi mỗi con chung là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng/01 cháu/01 tháng)
kể từ ngày 29/12/2023 cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem
xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Trần Trọng Ng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Phương A, sinh ngày 23/8/2015 và Trần Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 17/01/2017 cho ông Trần Trọng Ng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, hàng tháng bà N cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng/01 cháu/01 tháng) kể từ ngày 29/12/2023 cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Bà Nguyễn Thị Kim N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền đề nghị thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Vợ chồng khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Trần Trọng Ng phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0001509 ngày 01/12/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa được tính trừ vào lệ phí bà N, ông Ng phải nộp. Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Trần Trọng Ng đã nộp đủ lệ phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Hường